

XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG CỦA NGƯỜI HỌC: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP Ở HỌC VIỆN NGÂN HÀNG - PHÂN VIỆN PHÚ YÊN

Nguyễn Thị Phúc Hậu⁺,
Nguyễn Võ Tuyết Trinh,
Vũ Thị Khánh Minh,
Huỳnh Thu Minh Thu

Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên
+ Tác giả liên hệ • Email: hauntp@hvn.edu.vn

Article history

Received: 25/01/2025

Accepted: 26/3/2025

Published: 05/6/2025

Keywords

Factors affecting, students,
deciding, Banking Academy
- Phu Yen Campus

ABSTRACT

Currently, many universities are granted greater autonomy, creating conditions for them to attract competent and motivated students. However, recruitment remains a significant challenge, especially for local public universities, given that many schools fail to meet their targets. Therefore, it is essential to understand the factors influencing students' decision to choose a school. This study focuses on the factors affecting the decision to enroll in the Banking Academy - Phu Yen Campus. Through a survey of 298 students, three main factors were identified, in order of importance: (1) School characteristics; (2) Communication and counseling; (3) Tuition fees. From these results, the authors propose solutions to attract students. The article provides insight into the factors that determine students' university selection and offers specific solutions, contributing to improving the quality of enrollment and the reputation of the Banking Academy.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, giáo dục đại học Việt Nam cần cải cách mạnh mẽ, với chuyển hướng tự chủ rõ rệt. Các trường đại học được trao quyền tự chủ, chủ động thu hút thí sinh có năng lực. Tuy nhiên, công tác tuyển sinh, đặc biệt tại các trường công lập vùng sâu, vùng xa, đang gặp nhiều khó khăn khi không đạt chỉ tiêu. Vì vậy, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học là cần thiết để đưa ra giải pháp thu hút sinh viên (SV). Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên (HVNH - PVPY) với các chuyên đào tạo ngành Tài chính ngân hàng, Kế toán doanh nghiệp và Tài chính doanh nghiệp. Trong những năm qua công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, hằng năm tuyển sinh chỉ đạt 30% - 45% chỉ tiêu được HVNH phê duyệt. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết phải xác định yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn HVNH - PVPY của người học, từ đó tìm ra các giải pháp nhằm thu hút HS cả nước vào học. Tuy nhiên, hiện chưa có nghiên cứu nào đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường HVNH - PVPY của người học. Bài báo trình bày một số lý luận về yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của người học, xây dựng mô hình nghiên cứu và một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm thu được.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Hành vi lựa chọn dịch vụ giáo dục, đặc biệt là quyết định chọn trường đại học, là một quá trình phức tạp, chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố cá nhân và xã hội. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, hành vi này bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau. Cụ thể, Chapman (1981) đã phát triển một mô hình lý giải hành vi lựa chọn trường đại học, trong đó phân thành ba nhóm yếu tố chủ yếu: yếu tố cá nhân (năng lực học tập, động lực, hoàn cảnh gia đình), yếu tố từ phía nhà trường (danh tiếng, cơ sở vật chất, chương trình học) và yếu tố từ môi trường bên ngoài (gia đình, bạn bè, hoạt động tiếp thị). Ming (2010) cũng nghiên cứu các yếu tố thể chế ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học ở Malaysia, nhấn mạnh vai trò của chất lượng học thuật, chi phí giáo dục, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ SV.

Hossler và Gallagher (1987) đã đưa ra mô hình ba giai đoạn trong quá trình lựa chọn trường đại học, bao gồm nhận thức nhu cầu, tìm kiếm thông tin và ra quyết định cuối cùng, giúp hiểu rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng trong từng giai đoạn của hành vi này. Ở Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học trong quá trình xét tuyển. Cụ thể, Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009) đã đề xuất mô hình với bảy yếu tố chính: cá nhân, đặc điểm trường đại học, cơ hội học tập, cơ hội việc làm, nỗ lực giao tiếp của trường, giới tính và bản

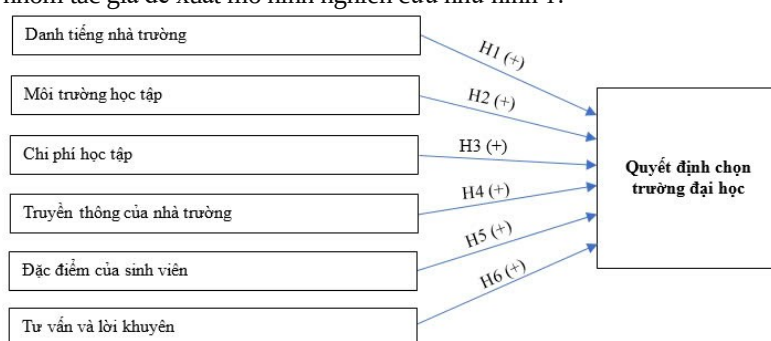
thân HS. Sau đó, Nguyễn Minh Hà và cộng sự (2011) xác định bảy yếu tố ảnh hưởng, trong đó nổi bật là nỗ lực truyền thông của trường, khả năng vào trường và chất lượng giảng dạy. Nguyễn Thị Kim Chi (2018) bổ sung thêm yếu tố chi phí, chương trình học, cơ sở vật chất, danh tiếng, thông tin từ trường và lời khuyên. Các nghiên cứu khác, như của Nguyễn Thị Ánh Hoa và Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2019), Trần Mạnh Hùng và Nguyễn Thị Kim Tuyền (2020) đã tiếp tục làm rõ các yếu tố như cơ hội nghề nghiệp, môi trường học tập, cơ sở vật chất và sự tư vấn.

Nhìn chung, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã chỉ ra rằng, quyết định lựa chọn trường đại học của SV và HS bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thuộc về cá nhân người học, các yếu tố bên trong và bên ngoài trường học.

Dựa trên những nghiên cứu trước đây và đặc điểm riêng của SV HVNH - PVPY, nhóm tác giả đã xác định sáu yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn học tại HVNH - PVPY, bao gồm: (1) Danh tiếng nhà trường; (2) Môi trường học tập; (3) Chi phí học tập; (4) Truyền thông của nhà trường; (5) Đặc điểm SV; (6) Tư vấn và lời khuyên.

2.2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

- *Mô hình nghiên cứu*: Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, kết hợp với các yếu tố đặc trưng của SV đang theo học tại HVNH - PVPY, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như hình 1:



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

Hình 1. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của người học

Trong đó, giả thiết nghiên cứu gồm: H1 - Nhân tố “Danh tiếng nhà trường” có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn trường HVNH-PVPY của người học; H2 - Nhân tố “Môi trường học tập” có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn trường HVNH-PVPY của người học; H3 - Nhân tố “Chi phí học tập” có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn trường HVNH-PVPY của người học; H4 - Nhân tố “Truyền thông của nhà trường” có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn trường HVNH-PVPY của người học; H5 - Nhân tố “Đặc điểm của SV” có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn trường HVNH-PVPY của người học; H6 - Nhân tố “Tư vấn và lời khuyên” có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn trường HVNH-PVPY của người học.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Nhằm xác định những yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường HVNH - PVPY của SV, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu thực nghiệm bằng hình thức khảo sát thông qua bảng hỏi. Thang đo chính thức cho 07 biến trong mô hình được đưa vào phiếu điều tra tương ứng với 35 biến quan sát (items) để đo lường các biến trong mô hình nghiên cứu thể hiện trong bảng 1. Các biến quan sát này được mã hoá và đo bằng thang đo Likert 5 mức độ từ 1(Rất không đồng ý) đến 5 (Rất đồng ý). Ngoài ra, trong phiếu khảo sát còn một số câu hỏi liên quan đến khóa/lớp, ngành học của SV.

Sau đó, nhóm tác giả đã tiến hành gửi bảng hỏi đến tất cả SV đang học tại trường HVNH - PVPY qua Google Forms từ ngày 30/9 đến 15/10/2024, thu về 310 phiếu (đạt 88,6%). Bảng câu hỏi khảo sát có 35 biến quan sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, do vậy mẫu tối thiểu sẽ là 175 (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Qua quá trình lọc những phiếu không đạt yêu cầu như SV không trả lời hết các câu hỏi, còn lại 298 quan sát được sử dụng để phân tích dữ liệu - đạt yêu cầu mẫu tối thiểu. Dựa trên dữ liệu thu thập, nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 20 để kiểm tra độ tin cậy của các biến thông qua hệ số Cronbach's Alpha, tiến hành kiểm định yếu tố khám phá (EFA) và cuối cùng thực hiện phân tích các biến để xây dựng phương trình hồi quy tuyến tính nhằm kiểm định mối quan hệ cũng như đánh giá mức độ tác động của từng yếu tố đến quyết định chọn học tại HVNH - PVPY của SV.

2.3. Kết quả

2.3.1. Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Thang đo đạt yêu cầu khi hệ số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên, trong đó từ 0,7 đến 0,8 được xem là đáng tin cậy và từ 0,8 đến gần 1 thang đo được coi là rất tốt (Nunnally & Bernstein, 1994; Hair et al., 1998). Đồng thời, hệ số

tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) cần phải lớn hơn 0,3. Nếu giá trị Cronbach's Alpha if Item Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha toàn bộ nhóm, cần xem xét loại bỏ biến quan sát này để cải thiện độ tin cậy thang đo. Trong nghiên cứu này, chúng tôi quyết định loại bỏ những biến quan sát không đảm bảo chất lượng để nâng cao độ tin cậy thang đo. Kết quả kiểm định mô hình đã loại bỏ 05 biến quan sát không đạt yêu cầu, thuộc các yếu tố về danh tiếng nhà trường, môi trường học tập, truyền thông của nhà trường và tư vấn, lời khuyên. Cụ thể, các biến bị loại bỏ bao gồm: Trường có danh tiếng (DTNT1), Trường có vị trí địa lý thuận lợi cho việc đi lại và học tập (MTHT1), SV biết đến trường qua giới thiệu của người khác (TT7), Công tác truyền thông của trường cung cấp thông tin đúng thời điểm (TT8), và SV chọn học trường theo lời khuyên của người thân (TV1). Sau khi loại bỏ các biến này, 06 yếu tố độc lập và 01 biến phụ thuộc còn lại đều đạt chất lượng tốt (với hệ số Cronbach's Alpha > 0,6), bao gồm 30 biến quan sát, được trình bày trong bảng 1 và sẽ tiếp tục được phân tích trong nghiên cứu tiếp theo.

Bảng 1. Tổng hợp kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo

Nhân tố	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
(1) Nhân tố danh tiếng nhà trường - DTNT (Cronbach's Alpha = 0,885)				
DTNT2	16,0973	9,765	0,691	0,868
DTNT3	15,9899	9,350	0,784	0,846
DTNT4	16,1141	9,576	0,778	0,848
DTNT5	15,9564	10,028	0,674	0,872
DTNT6	16,2181	9,861	0,691	0,868
(2) Nhân tố môi trường học tập - MTHT (Cronbach's Alpha = 0,921)				
MTHT2	15,8658	12,514	0,845	0,894
MTHT3	15,7685	12,650	0,821	0,899
MTHT4	15,4430	14,355	0,832	0,899
MTHT5	15,3322	14,748	0,755	0,912
MTHT6	15,4027	13,851	0,760	0,910
(3) Nhân tố chi phí học tập - CPHT (Cronbach's Alpha = 0,862)				
CPHT1	7,8758	3,469	0,742	0,806
CPHT2	7,7383	3,702	0,787	0,764
CPHT3	7,8893	3,883	0,692	0,848
(4) Nhân tố truyền thông nhà trường - TT (Cronbach's Alpha = 0,928)				
TT1	16,4966	33,328	0,790	0,915
TT2	16,3658	33,559	0,805	0,913
TT3	16,2215	34,961	0,737	0,921
TT4	16,8121	32,342	0,809	0,912
TT5	16,6342	32,468	0,824	0,910
TT6	17,0000	32,377	0,780	0,916
(5) Nhân tố đặc điểm của SV - DD (Cronbach's Alpha = 0,847)				
DD1	8,0101	3,209	0,658	0,844
DD2	8,1275	2,920	0,772	0,730
DD3	7,9228	3,472	0,728	0,782
(6) Nhân tố tư vấn và lời khuyên - TV (Cronbach's Alpha = 0,931)				
TV2	12,4664	24,533	0,852	0,909
TV3	12,4866	24,540	0,854	0,909
TV4	12,1007	25,209	0,792	0,921
TV5	12,0034	25,828	0,764	0,926
TV6	12,1913	24,802	0,830	0,914
(7) Quyết định chọn HVNH - PVPY - QD (Cronbach's Alpha = 0,932)				
QD1	7,6510	4,625	0,878	0,894
QD2	7,7953	4,157	0,867	0,898
QD3	7,7752	4,235	0,846	0,915

Nguồn: Xử lý số liệu nghiên cứu bằng SPSS 20

2.3.2. Phân tích yếu tố khám phá (EFA)

Các tiêu chuẩn lựa chọn biến trong phân tích EFA bao gồm kiểm định Bartlett và chỉ số KMO để đánh giá mức độ phù hợp của các yếu tố. Theo Kaiser (1974), phân tích EFA được coi là phù hợp khi giá trị KMO từ 0,5 đến 1 và giá trị sig nhỏ hơn 0,05. Hơn nữa, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát phải lớn hơn 0,3 (Hair, 2009)

mới đủ điều kiện thực hiện rút trích yếu tố. Trong quá trình này, chúng tôi loại bỏ các biến quan sát có hệ số tải yếu tố nhỏ hơn 0,3 hoặc có sự chênh lệch nhỏ hơn 0,3 giữa các hệ số tải yếu tố. Sau ba lần rút trích, ba yếu tố đã được xác định từ phân tích EFA (bảng 2).

Bảng 2. Kết quả rút trích yếu tố

Biến quan sát	Nhân tố		
	1	2	3
DTNT3	0,842		
MTHT4	0,814		
DTNT5	0,798		
MTHT5	0,767		
DTNT4	0,756		
MTHT2	0,735		
MTHT6	0,724		
MTHT3	0,696		
DD3	0,680		
DTNT2	0,656		
DTNT6	0,651		
TV2		0,893	
TV3		0,864	
TV6		0,849	
TT6		0,833	
TT4		0,799	
TV4		0,763	
TV5		0,745	
TT5		0,737	
TT1		0,662	
TT3		0,536	
CPHT1			0,806
CPHT2			0,740
Hệ số KMO = 0,945			
Sig. = 0,000			
Phương sai giải thích = 69,720%			

Nguồn: Xử lý số liệu nghiên cứu bằng SPSS 20

Bảng 2 cho thấy, các hệ số tải yếu tố đều $> 0,3$. Hệ số KMO = 0,945, đáp ứng điều kiện $0,5 < KMO < 1$, do đó phân tích yếu tố khám phá phù hợp với dữ liệu thực tế. Giá trị Sig. = 0,000 $< 0,05$ cho thấy các biến quan sát có mối tương quan chặt chẽ trong tổng thể. Hơn nữa, tổng phương sai trích bằng 69,720% $> 50\%$ nên mô hình EFA là phù hợp. Nói cách khác, 3 yếu tố được trích cô đọng được 69,72% biến thiên các biến quan sát. Như vậy, theo kết quả bảng ma trận xoay lần cuối cùng đối với nhóm biến độc lập còn lại 23 biến quan sát chia thành 3 nhóm yếu tố, tức giảm đi 3 nhóm so với mô hình nghiên cứu ban đầu. Trong 3 nhóm yếu tố mới này thì có một số yếu tố đã bị loại và một số yếu tố mới được đưa vào từ nhóm khác sang. Từ đây, chúng tôi định nghĩa lại các yếu tố như sau (bảng 3):

Bảng 3. Tóm tắt các yếu tố trong mô hình nghiên cứu được xác định lại

STT	Nhân tố	Các biến quan sát	Loại
1	DDNT	DTNT2, DTNT3, DTNT4, DTNT5, DTNT6, MTHT2, MTHT3, MTHT4, MTHT5, MTHT6, DD3 (11 biến)	Biến độc lập
2	TTTV	TT1, TT3, TT4, TT5, TT6, TV2, TV3, TV4, TV5, TV6 (10 biến)	Biến độc lập
3	CPHT	CPHT1, CPHT2 (2 biến)	Biến độc lập
4	QD	QD1, QD2, QD3 (3 biến)	Biến phụ thuộc

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

2.3.3. Kết quả hồi quy tuyến tính

Mô hình hồi quy có độ phù hợp khá cao, thể hiện qua giá trị $R = 0,81$ và R^2 hiệu chỉnh = 0,652. Điều này cho thấy, mô hình giải thích được 65,2% sự biến thiên của biến phụ thuộc “Quyết định chọn trường HVNH - PVPY”. Nói cách khác, 3 biến độc lập gồm DDNT, TTTV và CPHT trong mô hình nghiên cứu được xác định lại đã giải thích được 65,2% sự thay đổi của biến phụ thuộc QD, trong khi phần còn lại chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên (bảng 4).

Bảng 4. Kiểm định độ phù hợp của mô hình

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0,810	0,655	0,652	0,60433	1,836

Nguồn: Xử lý số liệu nghiên cứu bằng SPSS 20

Hệ số Durbin-Watson là 1,836, đáp ứng điều kiện $1 < \text{Durbin-Watson} < 3$. Do đó, tương quan giữa các phần dư rất thấp và mô hình không gặp hiện tượng tự tương quan (Mai Văn Nam, 2008). Hơn nữa, hệ số VIF của các biến (bảng 5) đều nhỏ hơn 10 chứng tỏ không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 5. Kết quả hồi quy tuyến tính

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Giá trị t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			VIF	
1	(Hằng số)	-0,268	0,184		-1,458	0,146		
	DDNT	0,781	0,066	0,600	11,850	0,000	0,457	2,187
	TTTV	0,150	0,039	0,167	3,846	0,000	0,625	1,601
	CPHT	0,142	0,047	0,137	3,010	0,003	0,568	1,762

Thống kê F (ANOVA) = 186,441 với giá trị Sig. = 0,000 < 5%

Nguồn: Xử lý số liệu nghiên cứu bằng SPSS 20

Theo kết quả hồi quy tuyến tính ở bảng 5 cho thấy, kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng thể của mô hình với giá trị F (ANOVA) = 186,441 với giá trị Sig. = 0,000 < 5%. Kết quả này chứng minh mô hình hồi quy được xây dựng hoàn toàn phù hợp với tập dữ liệu thu thập. Hay các biến độc lập có mối tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc với mức độ tin cậy là 99%. Bên cạnh đó tất cả các yếu tố độc lập đều có giá trị Sig. < 0,05, cho thấy các biến này có ý nghĩa và được đưa vào mô hình; khẳng định mô hình hồi quy phù hợp với dữ liệu và các biến đều có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Ngoài ra, do các hệ số hồi quy đều dương nên các biến độc lập có tác động cùng chiều đến biến phụ thuộc, ảnh hưởng đến quyết định chọn trường HVNH - PVPY. Theo đó, mô hình hồi quy tuyến tính dạng chuẩn hóa về quyết định chọn trường HVNH - PVPY của SV được biểu thị như sau:

$$QD = 0,6*DDNT + 0,167*TTTV + 0,137*CPHT$$

2.4. Thảo luận kết quả hồi quy và một số khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu chỉ ra ba yếu tố tác động trực tiếp đến quyết định lựa chọn trường HVNH - PVPY của SV có mức độ ảnh hưởng khác nhau. Cụ thể, yếu tố đặc điểm nhà trường có ảnh hưởng mạnh nhất, với hệ số tác động là 0,6, cao nhất trong tất cả các yếu tố. Tiếp theo là yếu tố truyền thông và tư vấn với hệ số 0,167, và cuối cùng là yếu tố chi phí học tập, với hệ số tác động thấp nhất là 0,137. Những kết quả này hoàn toàn phù hợp với các giả thuyết nghiên cứu ban đầu và kết quả từ các nghiên cứu trước (Chapman, 1981; Ming, 2010; Trần Văn Quý và Cao Hào Thi, 2009; Nguyễn Thị Kim Chi, 2018).

Nhân tố đặc điểm nhà trường được chia thành hai nhóm chính: danh tiếng nhà trường và môi trường học tập. SV thường ưu tiên chọn những trường đại học có danh tiếng và môi trường học tập tốt. HVNH - PVPY, trực thuộc HVNH, với hơn 45 năm phát triển, đã xây dựng được thương hiệu và uy tín trong lĩnh vực đào tạo kinh tế. SV học tại HVNH - PVPY hưởng quyền lợi như SV tại HVNH, với chương trình học và bằng tốt nghiệp đồng nhất. Điều này giúp SV được nhà tuyển dụng đánh giá cao về bằng cấp, tạo cơ hội việc làm và thu nhập cao sau khi tốt nghiệp.

Để nâng cao danh tiếng nhà trường, trước hết cần đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo, luôn được điều chỉnh theo từng giai đoạn và nhu cầu xã hội. Chất lượng đội ngũ giảng viên cũng cần được nâng cao thông qua việc phát triển học hàm, học vị, cũng như khuyến khích nghiên cứu khoa học và sản phẩm nghiên cứu. Phương pháp giảng dạy cần đổi mới, tạo hứng thú cho SV và khuyến khích tư duy sáng tạo. Các sự kiện khoa học như hội thảo và chuyên đề sẽ giúp thu hút sự quan tâm từ các học giả, doanh nghiệp và người nổi tiếng. Về môi trường học tập, cần xây dựng một không gian học tập năng động, thân thiện và an toàn. Cơ sở vật chất như giảng đường, thư viện và các phòng học cần được trang bị đầy đủ, đảm bảo chất lượng. Các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ và cuộc thi học thuật cũng cần được tổ chức thường xuyên để phát triển toàn diện cho SV. Ngoài ra, việc mở rộng hợp tác với các tổ chức, ngân hàng và doanh nghiệp sẽ tạo cơ hội cho SV thực hành và trải nghiệm thực tế ngay từ những năm học đầu. Truyền thông và tư vấn đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút người học. HVNH - PVPY cần tăng cường công tác truyền thông qua các nền tảng như Fanpage, Zalo và các phương tiện truyền thông đại chúng để “khắc sâu thương hiệu”, độ nhận diện đối với HS, phụ huynh và xã hội. Đồng thời, công tác tư vấn trực tiếp tại các trường THPT và kết nối với các thầy cô, cựu SV cũng giúp lan tỏa hình ảnh trường thông qua tiếp thị truyền miệng. Chi phí học tập là yếu tố có

ảnh hưởng yếu nhất trong quyết định lựa chọn trường. Tuy nhiên, yếu tố này vẫn đóng vai trò quan trọng, vì nó gắn liền với khả năng tài chính của gia đình. Mức học phí của HVNH - PVPY hiện nay là 25 triệu đồng/năm, mức học phí trung bình so với các trường đại học cùng ngành. Với chất lượng chương trình đào tạo và cơ hội nghề nghiệp tốt, mức học phí này hoàn toàn hợp lý, phù hợp với khả năng tài chính của phụ huynh và SV.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã hoàn thành các mục tiêu ban đầu và góp phần quan trọng trong việc hiểu rõ các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn HVNH - PVPY của người học. Cụ thể, ba yếu tố chính được xác định là đặc điểm nhà trường, truyền thông và tư vấn, chi phí học tập. Trong đó, đặc điểm nhà trường có ảnh hưởng mạnh nhất, thể hiện qua sự ưu tiên của SV đối với danh tiếng và chất lượng môi trường học tập tại HVNH - PVPY. Tiếp theo là truyền thông và tư vấn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin chính xác và kịp thời, từ đó định hình nhận thức và lựa chọn của người học. Mặc dù chi phí học tập có tác động yếu hơn, nhưng vẫn là yếu tố quan trọng, đặc biệt đối với SV có khả năng tài chính hạn chế. Tổng thể, các kết quả đạt được không chỉ làm sáng tỏ các yếu tố quyết định trong việc chọn trường mà còn đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút SV, đồng thời củng cố vị thế của HVNH - PVPY trong hệ thống giáo dục đại học.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được tài trợ bởi Học viện Ngân hàng trong khuôn khổ Đề tài “Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên của người học” cấp Học viện Ngân hàng, mã số: ĐTHV.52/2024.

Tài liệu tham khảo

- Chapman, W. D. (1981). A model of student college choice. *The Journal of Higher Education*, 52(5), 490-505, <https://doi.org/10.2307/1981837>
- Hair, J. F. (2009). *Multivariate data analysis: A Global Perspective* (7th ed.). River: Prentice Hall.
- Hair, J., Anderson, R., Tatham, R., & Black, W. (1998). *Multivariate data analysis (5th Edition)*. Prentice Hall, New Jersey.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS* (tập 1). NXB Hồng Đức.
- Hossler, D., & Gallagher, K. (1987) Studying Student College Choice: A Three-Phase Model and the Implications for Policymakers. *College and University*, 62, 207-221.
- Kaiser, H. F. (1974). An index of factorial simplicity. *Psychometrika*, 39(1), 31-36.
- Lê Thị Thanh Giao (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn trường đại học của sinh viên Trường Du lịch - Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học - Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 133(6A), 149-168. <https://doi.org/10.26459/hueuijssh.v133i6a.6869>
- Mai Văn Nam (2008). *Giáo trình Nguyên lý Thống kê Kinh tế*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Ming, J. S. (2010). Institutional factors Influencing Students' college choice decision in Malaysia: A Conceptual framework. *International Journal of Business and Social Science*, 1(3), 53-58.
- Nguyễn Minh Hà, Huỳnh Gia Xuyên, Huỳnh Thị Kim Tuyết (2011). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sinh viên chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 6(2), 107-117.
- Nguyễn Thị Ánh Hoa, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *Tạp chí Khoa học Yersin - Chuyên đề Khoa học và Công nghệ*, 6, 67-76.
- Nguyễn Thị Kim Chi (2018). *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học: Trường hợp Hà Nội*. Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). The Assessment of Reliability. *Psychometric Theory*, 3, 248-292.
- Trần Minh Hùng, Nguyễn Thị Kim Tuyền (2020). Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của sinh viên Trường Đại học Tây Đô. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế, Trường Đại học Tây Đô*, 9, 18-33.
- Trần Văn Quý, Cao Hào Thi (2009). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*, 12(15), 87-97.